BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2594 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Bộ Y tế thực hiện "Cải thiện dinh dưỡng" trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Bộ Y tế thực hiện "Cải thiện dinh dưỡng" trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch được duyệt nêu trên theo đúng các quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các quy định hiện hành đảm bảo mục tiêu, tiến độ, hiệu quả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em, Kế hoạch-Tài chính, Viện trưởng Viện Dinh dưỡng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Đ/c Q.Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính; LĐTBXH, Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, BMTE.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên Hương

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BỘ Y TẾ
THỰC HIỆN CẢI THIỆN DINH DƯỠNG TRONG TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-BYT, ngày 23 tháng 9 năm 2022)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong những năm qua, nhiều văn kiện, chính sách của Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ngành được ban hành đã tạo hành lang pháp lý và định hướng cho công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành TW khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã đề cập đến các vấn đề sức khỏe còn nhiều bất cập, đặc biệt là tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi, tầm vóc người Việt Nam và sự chênh lệch các chỉ số giữa các vùng miền. Mục tiêu tổng quát là "Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam" và trong các mục tiêu cụ thể có đưa ra các chỉ tiêu về dinh dưỡng: Đến 2030: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%. Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời" nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" tại Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đã nhấn mạnh chỉ số dinh dưỡng là một chỉ số quan trọng để xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về y tế. Giảm tỷ lệ trẻ 0-16 tuổi suy dinh dưỡng góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo, cũng như góp phần cho mục tiêu giảm nghèo một cách bền vững.

2. Kết quả thực hiện các chính sách, cơ chế giảm nghèo thường xuyên

Nhằm thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em, đặc biệt là tại vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, Bộ Y tế đã xây dựng các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chuyên môn và hướng dẫn thực hiện nội Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022. Trong năm 2022, khi kinh phí của Chương trình được phê duyệt, Bộ Y tế sẽ tiến hành triển khai các hoạt động theo mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

3. Đánh giá chung

- ***Thuận lợi:*** Được sự ủng hộ, quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước dành cho các chương trình dinh dưỡng, đặc biệt là các chương trình tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng nghèo. Các hoạt động dinh dưỡng được triển khai sâu rộng từ trung ương xuống đến tận các xã, phường trong cả nước nhờ mạng lưới chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng và huy động được các ban/ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng cùng tham gia.

- ***Khó khăn:*** năm 2021, nguồn lực cho công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em nói chung và bà mẹ trẻ em ở vùng nghèo, vùng khó khăn chưa đáp ứng được nhu cầu dẫn đến nhiều hoạt động dinh dưỡng chưa được triển khai hoặc triển khai rất hạn chế ở nhiều địa phương. Hơn nữa, ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rất lớn đến an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng với người dân ở vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật trẻ em năm 2016.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg, ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 02/QĐ-TTg, ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 353/QĐ-TTg, ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1185/QĐ-BTC, ngày 20/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Bộ Y tế;

- Quyết định số 1768/QĐ-BYT, ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc banh ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số ...../QĐ-BYT, ngày ...../...../2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hoạt động tổng thể của Bộ Y tế thực hiện "Cải thiện dinh dưỡng" trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BỘ Y TẾ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật địa phương bước đầu thực hiện được các can thiệp cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Nâng cao năng lực cho các địa phương bước đầu thực hiện được các can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, phụ nữ tuổi sinh đẻ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển, hải đảo.

1.2.2. Ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển, hải đảo.

1.2.3. Các thông thiệp, nội dung công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em 0-16 tuổi được xây dựng và phổ biến.

1.2.4. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0-16 tuổi.

1.2.5. Tổ chức theo dõi, giám sát hỗ trợ kỹ thuật và báo cáo kết quả hoạt động.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp về chính sách và điều hành

- Thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy định có liên quan/hỗ trợ cho dinh dưỡng đã ban hành.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản chuyên môn về dinh dưỡng nhằm bảo đảm tính phù hợp với thực tế.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, điều phối và hợp tác về dinh dưỡng.

2.2. Giải pháp về nhân lực

- Đào tạo liên tục cho nhân viên y tế, đặc biệt là những địa bàn khó khăn

- Nâng cao năng lực cho cán bộ liên ngành giáo dục, nông nghiệp, bảo trợ xã hội, phụ nữ.

2.3. Giải pháp về truyền thông

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông và các công cụ hỗ trợ cho tư vấn, giáo dục truyền thông dinh dưỡng.

- Tăng cường truyền thông trên mạng xã hội.

2.4. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

- Xây dựng, chuẩn hóa, phổ biến quy trình, hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu.

- Thực hiện các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu tại cộng đồng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sẵn sàng ứng phó khẩn cấp hàng năm, chuẩn bị về nhân lực và vật tư thiết yếu.

2.5. Giải pháp về nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu về dinh dưỡng cơ bản, thực phẩm, an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu đánh giá biến động tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh và các giải pháp can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng trên địa bàn khó khăn.

2.6. Theo dõi, giám sát, đánh giá

- Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá các lĩnh vực dinh dưỡng đặc thù.

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em thông qua điều tra hàng năm và theo định kỳ.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động các tuyến, liên ngành.

3. Nội dung hoạt động năm 2022

3.1. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (thuộc Dự án 3)

Chủ Tiểu dự án: Bộ Y tế

Nội dung hoạt động:

3.1.1. Nhóm hoạt động 1. Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn

- Tổ chức các hội thảo, cuộc họp tham vấn kỹ thuật để triển khai các mô hình, hoạt động can thiệp đặc thù về phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng theo từng vùng, từng nhóm đối tượng.

- Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ dinh dưỡng tuyến dưới của các tỉnh trong triển khai các hoạt động can thiệp cải thiện dinh dưỡng tại địa phương, đánh giá, theo dõi, can thiệp tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi.

- Khảo sát, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và thói quen tiêu thụ thực phẩm của trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tiến hành nghiên cứu các giải pháp can thiệp và nghiên cứu phát triển sản phẩm dinh dưỡng nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, phục hồi dinh dưỡng cho các đối tượng trẻ em và phụ nữ vùng nghèo, vùng khó khăn (nghiên cứu giai đoạn 1).

- Thực hiện theo đúng quy định việc mua, tiếp nhận, vận chuyển trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ để triển khai các hoạt động đánh giá, can thiệp tại cộng đồng.

- Xây dựng và triển khai mô hình cải thiện dinh dưỡng, đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình đặc thù cho từng vùng, miền; xây dựng thực đơn dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi đặc thù cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và áp dụng thực đơn tại các trường mầm non thuộc các vùng này (giai đoạn 1).

- Xây dựng các tài liệu chuyên môn về dinh dưỡng phụ nữ tiền mang thai, phụ nữ mang thai, dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, dinh dưỡng trẻ 2-5 tuổi cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; các hướng dẫn kỹ thuật về triển khai can thiệp dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, đánh giá dinh dưỡng cho trẻ em hộ nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; các hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng, ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và ứng dụng phần mềm công nghệ số trong tư vấn dinh dưỡng cho các vùng nghèo, vùng khó khăn

3.1.2. Nhóm hoạt động 2. Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ 5-16 tuổi)

- Tổ chức hội thảo/cuộc họp tham vấn chuyên môn kỹ thuật để triển khai mô hình, hoạt động can thiệp cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường.

- Tổ chức đánh giá, theo dõi định kỳ tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm của trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, kết hợp tư vấn dinh dưỡng, đưa ra giải pháp cụ thể cùng với gia đình đối với học sinh bị suy dinh dưỡng.

- Xây dựng, cập nhật các tài liệu chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật về dinh dưỡng trẻ từ đủ 5 đến 16 tuổi cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng thực đơn dinh dưỡng bữa ăn học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) nhằm đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú vùng nghèo, vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và hướng dẫn, tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú.

- Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ y tế trường học về xác định các vấn đề liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ tuổi học đường, phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, bữa ăn học đường, giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm

3.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (thuộc Dự án 6)

***Chủ Tiểu dự án:* Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội**

Nội dung hoạt động phần công việc của Bộ Y tế:

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em 0-16 tuổi:

- Xây dựng tài liệu truyền thông, cung cấp thông tin, tài liệu, nội dung thiết yếu về truyền thông dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em thông qua việc sản xuất, biên tập thông tin, chuyên trang về dinh dưỡng trong giảm nghèo tại trang Web của Bộ Y tế và Viện Dinh dưỡng, tài liệu truyền thông, nội dung về phòng chống suy dinh

dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em 0-16 tuổi, phù hợp theo dân tộc, vùng miền.

- Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ y tế và liên quan tuyến tỉnh và huyện.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong Chương trình giảm nghèo bằng hình thức tổ chức các hội nghị, hội thảo, chiến dịch, lễ phát động về dinh dưỡng.

3.3. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (thuộc Dự án 7)

Chủ Tiểu dự án: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Nội dung hoạt động phần công việc của Bộ Y tế:

- Tổ chức hướng dẫn các địa phương thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá trên địa bàn; cách thức tổ chức thu thập thông tin và đánh giá theo biểu mẫu.

- Thiết lập quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện; các mẫu biểu thu thập thông tin, mẫu báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Tiểu dự án 2 trong Chương trình giảm nghèo.

- Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Tiểu dự án 2; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm Tiểu dự án 2 thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

4. Thời gian thực hiện kế hoạch: Dự kiến từ tháng 9 đến tháng 12/2022.

5. Vốn và nguồn vốn năm 2022: (Chi tiết tại Phụ lục)

- Tiểu dự án 2- thuộc Dự án 3 do Bộ Y tế làm Chủ tiểu dự án 2: 10 tỷ đồng.
- Tiểu dự án 2- thuộc Dự án 6: 500 triệu đồng (Bộ Tài chính đã cấp cho Bộ Y tế).
- Tiểu dự án 2- thuộc Dự án 7: 01 tỷ đồng (Bộ Tài chính đã cấp cho Bộ Y tế).
- Nguồn vốn: + Ngân sách trung ương cấp: 11,5 tỷ đồng.
  + Khả năng huy động vốn: chưa có

6. Phân công thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2022

6.1. Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em:

Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai Kế hoạch năm 2022.

6.2.Viện Dinh dưỡng:

- Đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Bộ Y tế thực hiện "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (gọi là kế hoạch năm 2022).

- Phối hợp và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

6.3. Vụ Kế hoạch-Tài chính:

Chủ trì phối hợp với Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em, Viện Dinh dưỡng và các đơn vị liên quan, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính, kế toán trong việc thực hiện Kế hoạch năm 2022.

6.4. Các Vụ, Cục, đơn vị liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em, Viện Dinh dưỡng để triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch năm 2022 được phê duyệt.

6.5. Các Viện khu vực trực thuộc Bộ (Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Viện Y tế công cộng TP Hồ Chí Minh):

Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng.

PHỤ LỤC
KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí năm 2022
1	**Tiểu dự án 2- Cải thiện dinh dưỡng (thuộc Dự án 3)**	
1.1	***Nhóm hoạt động 1. Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.***	**7.500**
1.1.1	Tổ chức các hội thảo, cuộc họp tham vấn kỹ thuật để triển khai các mô hình, hoạt động can thiệp đặc thù về phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng theo từng vùng, từng nhóm đối tượng.	300
1.1.2	Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ dinh dưỡng tuyến dưới của các tỉnh trong triển khai các hoạt động can thiệp cải thiện dinh dưỡng tại địa phương, đánh giá, theo dõi, can thiệp tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi.	900
1.1.3	Khảo sát, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và thói quen tiêu thụ thực phẩm của trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn	1.000
1.1.4	Nghiên cứu các giải pháp can thiệp và nghiên cứu phát triển sản phẩm dinh dưỡng nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, phục hồi dinh dưỡng cho các đối tượng trẻ em và phụ nữ vùng nghèo, vùng khó khăn (nghiên cứu giai đoạn 1)	1.800
1.1.5	Mua, tiếp nhận, vận chuyển trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm cân, thước đo (chiều cao đứng/chiều dài nằm), thước đo vòng cánh tay, biểu đồ theo dõi tăng trưởng trẻ em, thuốc men, sản phẩm dinh dưỡng, tài liệu để triển khai các hoạt động đánh giá, can thiệp tại cộng đồng.	500
1.1.6	Xây dựng và triển khai mô hình cải thiện dinh dưỡng, đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình đặc thù cho từng vùng, miền; xây dựng thực đơn dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi đặc thù cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và áp dụng thực đơn tại các trường mầm non thuộc các vùng này (giai đoạn 1).	1.000
1.1.7	Xây dựng các tài liệu chuyên môn về dinh dưỡng phụ nữ tiền mang thai, phụ nữ mang thai, dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, dinh dưỡng trẻ 2-5 tuổi cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; các hướng dẫn kỹ thuật về triển khai can thiệp dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, đánh giá dinh dưỡng cho trẻ em hộ nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; các hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng, ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và ứng dụng phần mềm công nghệ số trong tư vấn dinh dưỡng cho các vùng nghèo, vùng khó khăn.	2.000
1.2	***Nhóm hoạt động 2. Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ 5-16 tuổi)***	**2.500**
1.2.1	Tổ chức hội thảo/cuộc họp tham vấn chuyên môn kỹ thuật để triển khai mô hình, hoạt động can thiệp cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường.	300
1.2.2	Tổ chức đánh giá, theo dõi định kỳ tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh	900

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí năm 2022
	dưỡng, khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm của trẻ học đường (từ 5 đến 16 tuổi) vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, kết hợp tư vấn dinh dưỡng, đưa ra giải pháp cụ thể cùng với gia đình đối với học sinh bị suy dinh dưỡng	
1.2.3	Xây dựng, cập nhật các tài liệu chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật về dinh dưỡng trẻ từ đủ 5 đến 16 tuổi cho vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn	500
1.2.4	Xây dựng thực đơn dinh dưỡng bữa ăn học đường (từ 5-16 tuổi) nhằm đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú vùng nghèo, vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và hướng dẫn, tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú.	500
1.2.5	Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ y tế trường học về xác định các vấn đề liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ tuổi học đường,. phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, bữa ăn học đường, giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm.	300
	Tổng cộng mục 1	**10.000**
2	**Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa thuộc Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin. Phần công việc của Bộ Y tế:**	**500**
2.1	Xây dựng tài liệu truyền thông, cung cấp thông tin, tài liệu, nội dung thiết yếu về truyền thông dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em thông qua việc sản xuất, biên tập thông tin, chuyên trang về dinh dưỡng trong giảm nghèo tại trang Web của Viện Dinh dưỡng, tài liệu truyền thông, nội dung về phòng, chống suy dinh dưỡngvà thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em 0-16 tuổi, phù hợp theo dân tộc, vùng miền.	150
2.2	Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ y tế và liên quan tuyến tỉnh và huyện.	300
2.3	Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong Chương trình giảm nghèo bằng hình thức tổ chức các hội nghị, hội thảo, chiến dịch, lễ phát động về dinh dưỡng.	50
3	**Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thuộc Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình. Phần công việc của Bộ Y tế:**	**500**
3.1	Tổ chức hướng dẫn các địa phương thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá trên địa bàn; cách thức tổ chức thu thập thông tin và đánh giá theo biểu mẫu.	600
3.2	Thiết lập quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện; các mẫu biểu thu thập thông tin, mẫu báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Tiểu dự án 2.	100
3.3	Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Tiểu dự án 2; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm Tiểu dự án 2 thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.	300
	Tổng cộng mục 2+3	**1.500**
	Tổng cộng mục 1+2+3	**11.500**

**Ghi chú: mục 2+3: Bộ Tài chính đã có QĐ 1185/QĐ-BTC ngày 20/6/2022 giao dự toán cho Bộ Y tế: 1,5 tỷ đồng.*